



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: _____

IV#: ~~227~~

VEWL.#: _____

I-171: _____ Y _____ N

EXIT VISA.#: _____

* WIDOW OF FORMER POLITICAL PRISONER *
* REGISTRATION FORM *
* (Two Copies) *

The purpose of this form is to identify WIDOWS AND UNMARRIED CHILDREN of former re-education camp prisoners who died while being detained in the camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. WIDOW APPLICANT IN VIETNAM PHAN CAM VAN
Last Middle First

Current Address 197/B, Block 4, district A HAU NGHIA, DUC HOA COUNTY,

Date of Birth Oct 20th 1931 Place of Birth LOC GIANG (CHOLON) LONG-AN city.

2. NAME OF FORMER RE-EDUCATION CAMP PRISONER WHO DIED IN THE CAMP (HUSBAND/
FATHER)

NGUYEN NGOC - BUI (HUSBAND)

Previous Occupation (before 1975) Chủ sự Ty, Ty Hầm Châm HAU NGHIA.
(Rank & Position)

TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP -- Dates: From 6-25-75 To DEATH DATE: 6-24-78

3. SPONSOR'S NAME: QUACH ANH TAI
Name

SANTA ANA, CA
Address & Telephone Tel.

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone

Relationship

No one

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : PHAN- CAM- VAN
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
NGUYEN TAN QUAN	7/19/1953	Son
NGUYEN PHUONG THAO	3/01/1961	Son Son

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

- 1- The husband dead in the re-education camp - The wife (cam VAN) must be bring his body home for funeral and get certifiact of dead out of the camp.
- 2- After the husband was be put in camp (jail) over 2 years, the communist government laid-off the wife (cam van) ^{while} She was working as a teacher.

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : PHAN ¹²CAM VAN
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)

DATE, PLACE OF BIRTH : 10/20/1931 in LOC GIANG (CHOLON)
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): _____ Female (Nu): ☒

MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): _____
(Tinh trang gia dinh): Widow - V

ADDRESS IN VIETNAM : 197/B Block 4, District A HUNG HIA, DUC HOA County, LONG AN City.
(Dia chi tai Viet-Nam)

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) _____ No (Khong) ☒
If Yes (Neu co): From (Tu): _____ To (Den): _____

PLACE OF RE-EDUCATION: _____
CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): Teacher

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): _____
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): _____
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): Teacher
Date (nam): _____

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): _____
IV Number (So ho so): _____
No (Khong): ☒

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 02
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 197/B, Ô 4, Khu A Trưng Thị Trâm
HUNG HIA, QUAN DUC HOA, TINH LONG AN.

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Ngươi Bao tro):
QUACH ANH TAI -
SANTA ANA, CA, (Friend)

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): _____ No (Khong): ☒

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): Friend

NAME & SIGNATURE: QUACH ANH - TAI (Same above) Tel: _____
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) Quach Anh Tai

DATE: 11 10 1989
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : PHAN CAM VAN
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
NGUYEN ^{^5} - TAN ^{^1} - QUAN ^{^2}	7/19/1953	Son
NGUYEN ^{^5} - PHUONG ^{^2} - THAO ^{^7}	3/01/1961	Son

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

- Principal Applicant Phan cam VAN is a widow. Her husband was dead in the re-education camp (6-24-78).
- She was be ~~laid~~ off from teacher position ~~was by her~~ because her husband in re-education camp.

Số : 277/GD/TC-77

LONG AN, ngày 15 tháng 10 năm 1977

QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG GIÁO VIÊN MỚI GIẢI PHÓNG CẤP TỈNH

- Căn cứ Thông Tư số 05/TT của Bộ Giáo dục quy định quyền hạn và nhiệm vụ của Ban lãnh đạo Ty Giáo dục.

- Căn cứ Chỉ Thị 21/CT số 21/CT về việc phân cấp quản lý giáo dục của Bộ Giáo dục.

- Căn cứ quyết định số 87/Tt-B ngày 20-8-1976 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách sử dụng giáo viên mới giải phóng ở miền Nam và Thông Tư Liên Bộ: Giáo dục - Nội vụ số 10/TT-CB ngày 9-9-1976 hướng dẫn thi hành quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Căn cứ quyết định số 1578/UB/QĐ-77 ngày 5-10-1977 của UBND Tỉnh Long An về việc phân cấp quản lý cán bộ công nhân viên trong Tỉnh.

- Căn cứ quyết định số : 2434/UB/D-77 ngày 15-10-1977 của UBND Tỉnh Long An chính thức chấp thuận đề nghị của Hội đồng tuyển dụng giáo viên mới giải phóng cấp Tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH**PHÂN CÔNG****ĐIỀU I :** Nay cho ~~Đã~~, Bà : PHAN CẨM VÂN

là giáo viên : Cấp I

Thực hiện vị : Trường PTCT Tân Phú A-Huyện Đức Hòa

Thời việc vì không đủ điều kiện tuyển dụng chính thức vào cơ quan Nhà nước.

ĐIỀU II: ~~Đã~~, Bà : PHAN CẨM VÂN khi thời việc về trụ quán tại : - Đức Hòa- Long An phải chấp hành nghiêm chỉnh các chính sách pháp luật của Nhà nước và mọi quy định của chính quyền đoàn thể địa phương, ra sức lao động sản xuất không ngừng nâng cao đời sống gia đình mình và làm tròn nghĩa vụ đóng góp với xã hội.

ĐIỀU III: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐIỀU IV : Các Ông Chánh Văn Phòng Ty, Trưởng Phòng TCCB, Phòng TKTV và ~~Đã~~, Bà : PHAN CẨM VÂN có tên trên mỗi nơi mỗi người tuy quyền hạn, nhiệm vụ thi hành quyết định này.

NƠI NHẬN :

- UBND TỈNH "Đề báo cáo"
- TY TÀI CHÍNH "đề biết"
- ĐƯƠNG SỰ
- LƯU TC TY.

TM. TY GIÁO DỤC

TRƯỞNG TY,

PHẠM VĂN MẠO

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu STS/P.

Xã, thị trấn: Hải An
Thị xã, quận: Quận Hoàn Kiếm
Thành phố, tỉnh: Hà Nội

GIẤY CHỨNG TỬ

Số 12
Quyển số 01

Họ và tên Nam hay nữ	<u>Nguyễn Ngọc Bích</u> <u>Nam</u>
Sinh ngày, tháng, năm	<u>Một Ngàn chín trăm hai mươi sáu</u> <u>1926</u>
Dân tộc Quốc tịch	<u>Kinh</u> <u>Việt Nam</u>
Nơi ĐKNK thường trú	<u>Đ4 - Khu A</u> <u>Quận Hoàn Kiếm</u>
Nơi sinh, tháng, năm chết Nơi chết	<u>ở miền Bắc</u> <u>tháng 06-1978</u> <u>Đ4 - Khu A</u> <u>Hà Nội</u>
Nguyên nhân chết	<u>Bệnh gan</u>
Họ, tên, tuổi người báo tử Nơi ĐKNK thường trú	<u>Phạm Văn Vân</u> <u>Đ4 - Khu A</u> <u>Quận Hoàn Kiếm</u>
Số giấy CM, giấy CNCC Quan hệ với người chết	<u>(vợ)</u>

Đăng ký ngày 20 tháng 06 năm 78
TM/UBND Quận Hoàn Kiếm



Trưởng ban, đóng dấu
Nguyễn Văn Đỗ

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

HÀNH-CHÍNH BỘI-TÌNH

Chiếu Nghị-Định

số 732 -BNV/VP/1 ngày 10 tháng 11 năm 1972

ÔNG NGUYỄN-HỢC-BỬU

được ân thưởng

HÀNH CHÁNH BỘI TÌNH

hạng NHÌ

Vậy cấp văn bằng này để chấp chiếu

Sài Gòn, ngày 10 tháng 01 năm 1973

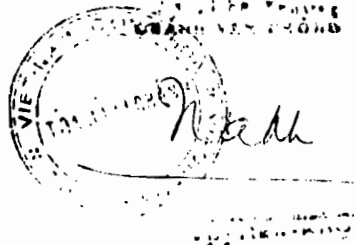
TỔNG TRƯỞNG NỘI VỤ

Ấn ký : TRẦN THIÊN KHIM

Đăng ký dưới số : 3660

Viện bảo lưu văn bằng
Chức vụ Tổng trưởng
Đã được chấp chiếu
Ngày 10 tháng 01 năm 1973
Trần Thiên Khim

HƯỚNG QUỐC
AN DÂN



VIỆT-NAM CỘNG-HOÀ
République du Viet-Nam

BỘ TƯ-PHÁP
Département de la Justice

SỞ TƯ-PHÁP NAM-PHẦN
Service Judiciaire du Sud-Vietnam

PHÒNG LỤC-SỰ TOÀ

(GREFFE DU TRIBUNAL DE)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH
(Extrait du registre des actes de naissance)

Tên Phú Thuợng (CHOLON)

(NAM-PHẦN)
(Sud-Vietnam)

NĂM 1926
(Année)

SỐ HIỆU 116
(Acte N°)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	Nguyễn ngọc An
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Nam
Sanh ngày nào (Date de naissance)	24-6-1926
Sanh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	Tên phủ Thuợng
Tên họ cha (Nom et prénom du père)	Nguyễn văn Tân
Cha làm nghề gì (Sa profession)	Làm vườn
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Tên phủ Thuợng
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Trương thị Kiều
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Làm vườn
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Tên phủ Thuợng
Vợ chánh hay vợ thứ (Son rang de femme mariée)	Vợ chánh

Chúng tôi, Trương kim Thạch

(Nous)

Chánh-án Toà EGRQ LONG AN

(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông Ông Văn Thành

(M.)

Chánh Lục-sự Toà-án sở tại.

(Greffier en chef dudit tribunal).

Long An, ngày 24-6-1926

CHÁNH-ÁN,
(LE PRÉSIDENT),



Giá tiền
(Coté)
Biên-lai số
(Quittance N°)

Trích y bản chánh
(Pour extrait conforme),

Long An, ngày 24-6-1926



VIỆT-NAM CỘNG-HOÀ
République du Viêt-Nam

BỘ TƯ-PhÁP
Département de la Justice

SỞ TƯ-PhÁP NAM-Phân
Service Judiciaire du Sud-Vietnam

PHÒNG LỤC-SỰ TOÀ HGRQ LONG AN

(GREFFE DU TRIBUNAL DE _____)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH Lộc Giang (CHOLON)
(Extrait du registre des actes de naissance)

(NAM-Phân)
(Sud-Vietnam)

NĂM 1931 SỐ HIỆU 52
(Année) (Acte No)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	Phan cầm Văn
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Đực
Sinh ngày nào (Date de naissance)	20-10-1931
Sinh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	Lộc Giang
Tên họ cha (Nom et prénom du père)	Phan văn Hỷ
Cha làm nghề gì (Sa profession)	Instituteur
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Đức Lập
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Nguyễn thị Cảnh
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Làm ruộng
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Đức Lập
Vợ chánh hay vợ thứ (Son rang de femme mariée)	Vợ chánh

Chúng tôi, Trương Kim Thạch
(Nous)

Chánh-án Toà HGRQ LONG AN
(Président du Tribunal)

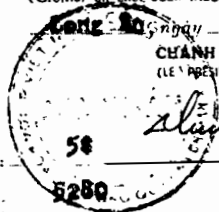
chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông Trương Văn Thanh
(M.)

Chánh-Lục-sự Toà-án sở tại.
(Greffier en chef dudit tribunal).

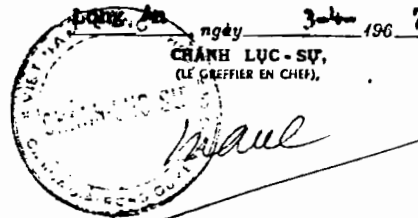
Long An ngày 3-4-1967

CHÁNH-ÁN,
(LE PRÉSIDENT).



Giá tiền :
(C'est)
Biên-lai số :
(Quittance No)

Trích y bản chánh
(Pour extrait conforme).



CHÁNH LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHEF).

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH
(Extrait du registre des actes de naissance)

Đức-Hòa (Cà-Mê)

(NAM PHẦN)
(Sud Viêt-Nam)

NĂM 1953
(Année)

SỐ HIỆU 239
(Acte N°)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	Nguyễn-tân-Quân
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Nam
Sinh ngày nào (Date de naissance)	19/7/1953
Sinh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	Tại Đức-hòa
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	Nguyễn-ngọc-Bửu
Chức làm nghề gì (S. profession)	Làm vườn
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Tại Đức-hòa
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Phan-cầm-Vân
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Làm vườn
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Tại Đức-hòa
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme - mari)	Vợ chánh

Chúng tôi
(Nous)

Chánh-án Tòa
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp - pháp chữ ký tên của
(Certificat l'authenticité de la signature de)

Ông
(M.)

Chánh-Lục-sự Tòa-án Sơ-tại
(Greffier en chef du Tribunal)

ngày 19/7/53

CHÁNH-ÁN
(LE PRÉSIDENT)

Trích y bản chánh
(Pour extrait conforme)

CC/50

Long-an, ngày 30/8/53

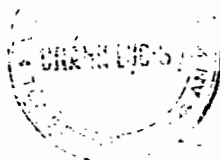
CHÁNH LỤC-SỰ
(LE GREFFIER EN CHEF)

Giá tiền: 15\$

(Cout)

Biên lai số 1020

(Quittance N°)



BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH
(Extrait du registre des actes de naissance)

Tân-phủ-Thượng (Long-an)

(NAM PHÂN,
(Sud Viêt-Nam)

NĂM 1967
(Année)

SỐ HIỆU 23
(Acte No)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	Nguyễn-phước-Thảo
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Nam
Sinh ngày nào (Date de naissance)	1/3/1967
Sinh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	Tân-phủ-Thượng
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	Nguyễn-cập-Dầu
Chia làm nghề gì (Sa profession)	Tân-phủ-Thượng
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Tân-phủ-Thượng
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Phạm-cẩn-Tập
Nghề làm nghề gì (Sa profession)	Giáo-viên
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Tân-phủ-Thượng
Vợ chánh hay thất (Son rang de femme mariée)	Chánh

Chúng tôi
(Nous)

Chánh-án Tòa
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp - pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông
(M)

Chánh Lục-sự Tòa-án Số tại
(Règlement en chef du tribunal)

ngày 10
CHÁNH-ÁN,
(LE PRÉSIDENT)

Trích y bản chánh,
(Pour extrait conforme)

Long-an, ngày 30/6/1972

CHÁNH LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHEF)

Giá tiền: 25

(Cout)

Bền lại số 020/CSC/5B

(Quittance No)



VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH HAY THÀNH-PHỐ

TRÍCH-LỤC CHỨNG-THƯ HÔN-THƯ

QUẬN: ĐỨC-HÒA

XÃ: LỘC-HÒA

Số hiệu: IOI

Tên họ người đi đăng

NGUYỄN-NGỌC-BÙU

nghề-nghiep

LÀM MƯỜN

Chứng thật chữ ký của Hội-
Viên Hộ-tịch ký ở dưới.

sinh ngày

----- tháng ----- năm

1926

Đức-Hòa, ngày 29-01-1961

tại

Tại Đức-Hòa

Lại-Diện-Xã

cư trú tại

Tại Đức-Hòa

tạm-trú tại

Tên họ cha chồng

(Sống chết phải nói)

NGUYỄN-VAN-TÂN (chết)

Tên họ mẹ chồng

(Sống chết phải nói)

TRƯƠNG-THỊ-KIỆU (sống) 60 tuổi

Tên họ người vợ

PHAN-CẨM-VÂN

nghề-nghiep

Làm mướn

sinh ngày

----- tháng ----- năm

1931

tại

Tại Lộc-Giang

cư trú tại

Tại Đức-Hòa

tạm-trú tại

Tên họ cha vợ

(Sống chết phải nói)

PHAN-VAN-HUY; (chết)

Tên họ mẹ vợ

(Sống chết phải nói)

NGUYỄN-THỊ-CÀNH (sống) 48 tuổi

— Ngày cưới

-- Vợ chồng khai có hay không lập hôn lễ

ngày

----- tháng ----- năm

X lập tại Đức-Hòa ngày 21 Juillet 1953.

Trích y bản chính

Đức-Hòa

ngày 29 tháng 01 năm 1961

Viên chức Hộ-tịch.

NGUYỄN-VAN-HỒ

CHỨNG-THẬT

Chữ ký của Ủy viên

Hội Hộ-tịch

Đức-Hòa, ngày 20 tháng 01 năm 1961

QUẢN-TRƯỞNG

TỔNG-TRƯỞNG
BỘ VĂN-HÓA GIÁO-DỤC VÀ THANH-NIÊN.
Chiếu

N G H Ị - Đ Ị N H :

ĐIỀU 1: Nay ân-thưởng Dội-Tinh Văn-Hóa Giáo-Dục độ nhĩ hạng
về kỳ thường lậ 1974 cho:

I. -

V. - TY VĂN-HÓA GIÁO-DỤC VÀ THANH-NIÊN HẬU-NGHĨA

SỐ TT:	HỌ VÀ TÊN	NAM-SANH-NGHỊCH-TRUẬT	CHỨC-VỤ VÀ NHIỆM-SỐ
63	Đ. NGUYỄN VĂN NHƯNG	1927	GVSC/TH/H1 :Đặc-ký Trung-Học Trưng-Bàng
64	Đ. LÊ ĐÌNH THÁI	1924	GVSC/TH/H1 :TR. G. S. K. Khánh.
65	Bà. LƯU THỊ TÂM	1918	GVSC/TH/H1 :Đặc-lớp Nữ THCD Khiêm-Cương
66	Bà. LÊ THỊ PHÉ	1926	GVSC/TH/H1 :Đặc-lớp Nữ THCD Khiêm-Cương
67	Bà. PHAN CẨM VÂN	1931	GVSC/TH/H1 :Đặc-lớp Nữ THCD Khiêm-Cương
68	Đ. NGÔ TẤN ĐỨC	1935	GVSC/TH/H1 :Đặc-lớp THCD Đức-Lập
69	Đ. CAO LONG NGÀ	1937	GVSC/TH/H1 :Đặc-lớp THCD Tân-Dịnh.
70	Đ. NGUYỄN VĂN NHỎ	1936	GVSC/TH/H1 :Đặc-lớp THCD Tân-Dịnh.
71	Đ. PHẠM VĂN THỔNG	1938	GVSC/TH/H1 :Đặc-lớp THCD Tân-Dịnh.
72	Đ. CAO SANH PHỤNG	1935	GVSC/TH/H1 :Đặc-lớp THCD Tân-Dịnh.
73	Đ. TRẦN ĐOÀN NHÂN	1937	GVSC/TH/H1 :Đặc-lớp THCD Tân-Dịnh.
74	Đ. TRẦN THANH NHẢ	1937	GVSC/TH/H1 :Đặc-lớp THCD Tân-Dịnh.
75	Đ. NGUYỄN VĂN TỔ	1936	GVSC/TH/H1 :Đặc-lớp THCD Tân-Dịnh.
76	Đ. LÊ VĂN THƯỜNG	1930	GVSC/TH/H1 :Đặc-lớp THCD Tân-Dịnh.
77	Đ. NGUYỄN KIM TƯƠNG	1927	GVSC/TH/H1 :Đặc-lớp THCD Tân-Dịnh.
78	Đ. TRẦN HỮU THANH	1930	GVSC/TH/H1 :Đặc-lớp THCD Tân-Dịnh.
79	Đ. VŨ VĂN LONG	1938	GVSC/TH/H1 :Đặc-lớp THCD Tân-Dịnh.
80	Đ. MAI VĂN MẠO	1927	GVSC/TH/H1 :Đặc-lớp THCD Tân-Dịnh.

ĐIỀU 2: Thứ-Trưởng, Phụ-Tá Tổng-Trưởng, Tổng-Thư-Ký Bộ Văn
Hóa Giáo-Dục và Thanh-Niên, chiếu nhiệm-vụ, thi hành Nghị-Dịnh
này.

SAIGON, ngày 31 tháng 12 năm 1974.
An-ký: NGỒ KHẮC TỈNH

Nơi nhận:

- Cơ-Quan Chánh-Quyền Tỉnh
Thị, Xã: (Ty Văn-Hóa Giáo-Dục
và Thanh-Niên) . . .
HẬU-NGHĨA . . .

TRÍCH - Y:



10 tháng 3 năm 1975

TRƯỞNG - TY

ĐẶC-LẬP

And
4X6



Ng. tân Quên
1953

Ng-ph-Chào
1961

Phan cầm Văn
1931

QUACH ANH-TAI

SANTA ANA, CA.



To: Families of Vietnamese Political prisoners Assoc.
P.O. BOX 5435
ARLINGTON, VA. 22205-0635

NOV 18 1989